

Ngày/ Date: 24 /01/2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK HÀ NỘI

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HA NOI STOCK EXCHANGES'S PORTAL

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

Năm 2021
Year 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại/Telephone: (0251)3511138 Fax: (0251)3512498
- Email: contact@wonderfarmonline.com
- Vốn điều lệ/Charter capital: 871.409.920.000 VNĐ
- Mã chứng khoán/Stock symbol: IFS
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:
 - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Management, Board of Supervisors, General Director and Director.
 - Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện/The implementation of internal audit: Not yet implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông / Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Interfood được tổ chức vào ngày 19 tháng 4 năm 2021 đã thông qua nghị quyết sau:

Interfood's 2021 Annual General Meeting of Shareholders held on April 19, 2021 adopted the following resolution:

Stt/ No.	Số Nghị quyết/ Resolution No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content
1	AGM-2021	19/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty. <i>Approve to adopt the Report of business operation results in 2020 of the Company.</i> - Chấp thuận thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. <i>Approve to adopt the Financial Statement for the fiscal year 2020 of the Company audited by KPMG Vietnam.</i> - Chấp thuận thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Công ty về kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2020. <i>Approve to adopt the Report of the Board of Management ("BOM") of the Company about the operation results of the BOM and each BOM member in 2020.</i> - Chấp thuận thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát ("BKS") về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc ("TGD") trong năm 2020. <i>Approve to adopt the Report of the Supervisory Board ("SB") about the operation results of the Company, performance result of the BOM and General Director ("GD") in 2020.</i> - Chấp thuận cho Công ty không kê khai và chia cổ tức năm 2020 và giữ lại toàn bộ lợi nhuận phát sinh trong hoạt động kinh doanh năm 2020 để bổ sung vốn hoạt động của Công ty. <i>Approve that the Company will not declare and allocate dividend in 2020 and retain all profit arising from business activities in 2020 to supplement the Company's working capital.</i> - Chấp thuận cho Công ty không kê khai và trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2020. <i>Approve that the Company will not declare and pay remuneration for the members of the BOM and SB in 2020.</i> - Chấp thuận thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty với doanh thu dự kiến đạt khoảng 2.022 tỷ đồng (tăng khoảng 31% so với năm 2020) và lãi trước thuế trong năm 2021 khoảng 327 tỷ đồng. <i>Approve to adopt the Business plan in 2021 of the Company pursuant to which the expected gross sales is VND 2,022 billion (increase of 31% compared to the gross sales in 2020) and profit before tax in 2021 is about VND 327 billion.</i> - Chấp thuận thông qua việc HĐQT được ủy quyền lựa chọn công ty kiểm toán độc lập phù hợp được chấp nhận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho các năm tài chính 2022 và 2023 của Công ty. <i>Approve to adopt the BOM is authorized to select the appropriate independent auditing organization accepted by the State Securities Commission for the fiscal years 2022 and 2023 of the Company.</i> - Chấp thuận thông qua nội dung Điều lệ Công ty năm 2021 thay thế Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế ("Điều lệ")

			<p>Công ty năm 2021”), Người đại diện theo pháp luật Công ty có trách nhiệm ký và ban hành Điều lệ Công ty năm 2021.</p> <p><i>Approve to adopt the contents of the Company Charter in 2021 replacing for the current Charter of Interfood Shareholding Company (“Company Charter in 2021”), the Legal Representative person is responsible to sign and issue the Company Charter in 2021.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận thông qua nội dung Quy chế nội bộ về Quản trị năm 2021 thay thế cho Quy chế nội bộ về Quản trị hiện hành của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Quy chế nội bộ về Quản trị năm 2021”), Chủ Tịch HĐQT có trách nhiệm ký ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị năm 2021. <p><i>Approve to adopt the contents of Internal Rules on Corporate Governance in 2021 replacing for the current Internal Rules on Corporate Governance of Interfood Shareholding Company (“Internal Rules on Corporate Governance in 2021”), Chairman of the BOM is responsible to sign and issue the Internal Rules on Corporate Governance in 2021.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận thông qua nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Quy chế hoạt động của HĐQT”), Chủ Tịch HĐQT có trách nhiệm ký ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT. <p><i>Approve to adopt the contents of Operation Rules of the BOM of Interfood Shareholding Company (“Operation Rules of the BOM”), Chairman of the BOM is responsible to sign and issue the Operation Rules of the BOM.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận thông qua nội dung Quy chế hoạt động của BKS của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Quy chế hoạt động của BKS”), Trưởng BKS có trách nhiệm ký ban hành Quy chế hoạt động của BKS. <p><i>Approve to adopt the contents of Operation Rules of the SB of Interfood Shareholding Company (“Operation Rules of the SB”), Chief of the SB is responsible to sign and issue the Operation Rules of the SB.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm vị trí Thành viên HĐQT và BKS <p><i>The dismissal of the position of Members of the BOM. and SB</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm các vị trí chủ chốt: Thành viên HĐQT, thành viên BKS <p><i>Appointment of key positions: Members of the BOM, members of Supervisory Board (SB);</i></p>
--	--	--	--

II. Hội đồng quản trị (Năm 2021)/ Board of Management (Year 2021):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Management (BOM):

Stt No.	Thành viên HĐQT/ The BOM's members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) Independent members of the BOM, Non-executive members of the BOM)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the BOM</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>

1	Ông/ Mr. Takeshi Fukushima	Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT/ Chairman cum member of the BOM	12/04/2018	19/04/2021
2	Ông/ Mr. Yutaka Ogami	Thành viên HĐQT/ member of the BOM	12/04/2017	19/04/2021
3	Bà/ Ms. Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên HĐQT/ member of the BOM	15/08/2006	
4	Ông/ Mr. Koichi Ogawa	TVHĐQT không điều hành/ <i>Non-executive member of the BOM</i>)	10/04/2020	
5	Ông/ Mr. Toru Yoshimura	TVHĐQT không điều hành/ <i>Non-executive member of the BOM</i>)	17/12/2019	
6	Ông/ Mr. Tomohide Ito	Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT/ Chairman cum member of the BOM	19/04/2021	
7	Ông/ Mr. Hajime Kawasaki	Thành viên HĐQT/ member of the BOM	19/04/2021	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the BOM:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ The BOM's members	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by BOM</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông / Mr. Takeshi Fukushima	3/4	75%	Từ nhiệm có hiệu lực từ 19/04/2021/ <i>Resigned effective from 19/04/2021</i>
2	Ông/ Mr. Yutaka Ogami	3/4	75%	Từ nhiệm có hiệu lực từ 19/04/2021/ <i>Resigned effective from 19/04/2021</i>
3	Bà/ Ms. Nguyễn Thị Kim Liên	4/4	100%	
4	Ông/Mr. Koichi Ogawa	4/4	100%	
5	Ông/Mr. Toru Yoshimura	4/4	100%	
6	Ông/ Mr. Tomohide Ito	1/4	25%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 19/04/2021/ <i>Appointed effective from 19/04/2021</i>

7	Ông/ Mr. Hajime Kawasaki	1/4	25%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 19/04/2021/ <i>Appointed effective from 19/04/2021</i>
---	--------------------------	-----	-----	--

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2021 như sau:

Under the Charter and Corporate Governance Regulation of the Company, the BOM conducted its supervision on activities of General Director (GD) and the Boards of Directors (BOD) for Year 2021 as follows:

3.1 Phương thức giám sát/ *Method of supervision:*

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc khi cần thiết, trao đổi và thảo luận trực tiếp hoặc bằng các phương tiện thông tin liên lạc như điện thoại và thư điện tử.

Through BOM meetings organized periodically or as necessary, discussion and consultation conducted directly or via telephone and electronic mail.

- Thông qua các báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD và Ban Giám đốc về tiến độ thực hiện, cũng như những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

Through adequate, detailed and timely reports of GD and BOD reporting progress of business plan execution, pointing out its difficulties and obstacles as well as the causes and proposed solutions.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

Collaboration with Supervisory Board in supervising the activities of GD and BOD.

3.2 Nội dung giám sát/ *Contents of supervision:*

- Giám sát và đánh giá mức độ hiệu quả của TGD và BGD trong hoạt động điều hành, tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được phê duyệt.

Supervision and evaluation of the operational efficiency of GD and BOD on management, execution of BOM resolutions, implementation of business plan and investment project.

- Đánh giá kết quả hoạt động của 2021, xem xét điều chỉnh và chuẩn bị kế hoạch kinh doanh cho 2022 phù hợp với mục tiêu và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2022;

Evaluating business performances performances in 2021, considering to revise and prepare for business activities in 2022 in accordance with the objectives and business plan of the Company in 2022;

- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường hoạt động bán hàng và nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ kinh doanh; Thực hiện giảm chi phí sản xuất và sử dụng hiệu quả chi phí bán hàng nhằm cải thiện lợi nhuận hoạt động.

Under the management and direction of the GD and BOD, the Company has conducted its business activities as enhance selling activities and improve competencies of its sales team; Implementation of manufacturing cost reduction and effective and efficient use of selling expenses to improve operating profitability.

- Ngoài ra, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021; Thay thế Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị hiện hành của Công ty và ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS của Công ty phù hợp với quy định pháp luật; triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh và quản trị công ty theo đúng các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Besides, the Company has organized the Annual General Meeting of Shareholders in 2021; replacing the current Charter and the current Internal Rules on Corporate Governance of the Company and issuing

the Operation Rules of the BOM and the Operation Rules of the Company in compliance with laws; implemented business plan and corporate governance activities in accordance with resolutions of AGM and BOM.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/Activities of the BOM's subcommittees:

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, Công ty đã có sự phân công công việc giữa các thành viên HĐQT và bổ nhiệm Ban giám đốc với các thành viên chuyên trách về Kinh doanh, Tiếp thị, Tài chính, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ để hỗ trợ HĐQT trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Sub-Committees of BOM has not been established. However, BOM members worked with clear assignments and close coordination; appointed BOD members in charge of Sales, Marketing, Finance, Human Resources and Internal Control respectively to support BOM in management of the Company business activities.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Năm 2021)/ Resolutions of the BOM (Year 2021):

Stt No	Số Nghị quyết <i>Resolution No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	RBM210218	18/02/2021	Lịch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2021 của Công ty/ <i>Schedule to organize the Annual General Meeting of Shareholders in 2021 of the Company.</i>	100%
2	RBM210308	08/03/2021	Thay đổi thành viên chủ chốt và sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh/ <i>Changing key members and amending the Enterprise Registration Certificate, the Investment Registration Certificate, Registration Certificate for the Branch.</i>	100%
3	RBM210326	26/03/2021	Các nội dung đề xuất thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021/ <i>Contents propose to adopt at the Annual General Meeting of Shareholders in 2021.</i>	100%
4	RBM210423	23/04/2021	Việc bổ nhiệm của Chủ tịch HĐQT; Chọn lựa công ty kiểm toán độc lập cho các năm tài chính 2022 và 2023 của công ty / <i>Appointment of the Chairman of the BOM; Select the independent auditing organization for the fiscal years 2022 and 2023 of the Company.</i>	100%

III. Ban kiểm soát (Năm 2021)/Board of Supervisors ((Year 2021):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Information about members of Board of Supervisors:

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Ông/Mr.	Trưởng BKS/	10/04/2019	Đại học, Chứng chỉ Kiểm Toán Viên do Bộ Tài Chính

	Nguyễn Thanh Bách	Chief of SB	(Ngày bắt đầu/ <i>The date becoming</i>)	cấp, thành viên Hiệp hội Kế Toán Công Chứng Anh Quốc (“ACCA”) <i>Bachelor, Auditor Certificate issued by the Ministry of Finance, member of Association of Chartered Certified Accountants (ACCA)</i>
2	Bà/Ms. Thái Thu Thảo	Thành viên/ <i>Member</i>	12/04/2012 (Ngày bắt đầu/ <i>The date becoming</i>)	Đại học Tài chính – Kế toán/ <i>Bachelor, Accounting – Financing</i>
3	Ông/Mr. Yoshitaka Hitomi	Thành viên/ <i>Member</i>	19/04/2021 (Ngày không còn là thành viên BKS <i>The date ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>)	Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực phẩm / <i>Degree of Master of Agricultural Science in the field of food science and technology</i>
4	Ông/ <i>Mr.</i> Seiichi Kitano	Thành viên/ <i>Member</i>	19/04/2021 (Ngày bắt đầu/ <i>The date becoming</i>)	(Đại học Luật/ <i>B.A in Law</i>)

2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors

Stt No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông/Mr. Nguyễn Thanh Bách	2/2	100%	100%	
2	Bà/Ms. Thái Thu Thảo	2/2	100%	100%	
3	Ông/Mr. Yoshitaka Hitomi	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:

Trong năm 2021, BKS tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát và đề xuất HĐQT thực hiện những thay đổi cần thiết nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, tăng cường hoạt động quản trị và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hoạt động chính của BKS trong năm 2021 như sau:

In 2021, the SB continued inspecting, supervising and recommending necessary changes to the BOM in order to ensure compliance with applicable laws, enhancing corporate governance and improve effectiveness of business operations of the Company. Main activities of the SB in 2021 were as follows:

- Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc (BGD) trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.

Supervision over the BOM, General Director (GD) and the Board of Directors (BOD) with respect to the management and administration of the Company to ensure the compliance with laws and Company's rules.

- Giám sát HĐQT, TGD và BGD trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHCĐ phê chuẩn.

Supervision over the BOM, GD and BOD with respect to the issuance and execution of the resolutions of AGM and BOM, implementation of business plan and investment projects approved by the AGM.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Review, inspection and evaluation of the effectiveness and efficiency of systems of internal control, internal audit, risk management and early warning of the Company.

- Rà soát và kiểm tra các báo cáo tài chính (quý, bán niên và báo cáo năm) trong năm 2021 đã được soát xét và kiểm toán bởi KPMG Việt Nam để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán cũng như đảm bảo tính minh bạch, chính xác và đáng tin cậy của các báo cáo tài chính.

Review and inspection of the financial statements (quarterly, biannual and annual financial statement) in 2021 examined and audited by KPMG Vietnam to ensure the independency and objectiveness in auditing activities and ensure the transparency, accurate and reliability of the financial reports.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

- Tham dự cuộc họp và/hoặc tham gia thảo luận trong các cuộc họp HĐQT.

Participate in and/or discuss at the BOM meetings of the company.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban Giám đốc.

Collaboration with BOM in supervising the activities of GD and BOD.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ Other activities of the Board of Supervisors (if any): Không/ Non

IV. Ban điều hành (BGĐ)/ Board of Directors (BOD)

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Directors	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Directors</i>
1	Ông (Mr.) Hajime Kawasaki	04/03/1971	Cử nhân/ BA	30/03/2021 (Ngày bổ nhiệm / <i>Date of appointment</i>)
2	Ông(Mr.) Yutaka Ogami	10/11/1973	Cử nhân/ BA	30/03/2021 (Ngày miễn nhiệm / <i>Date of dismissal</i>)
3	Ông (Mr.) Kenichiro Wada	10/06/1980	Cử nhân/ BA	26/03/2021 (Ngày bổ nhiệm / <i>Date of appointment</i>)
4	Ông (Mr.) Takeshi Fukushima	14/11/1973	Cử nhân/ BA	26/03/2021

				(Ngày miễn nhiệm / <i>Date of dismissal</i>)
5	Bà (<i>Ms.</i>) Nguyễn Thị Kim Liên	26/06/1967	Cử nhân/ <i>BA</i>	01/10/2003
6	Ông (<i>Mr.</i>) Koichi Noda	15/11/1970	Cử nhân/ <i>BA</i>	01/04/2021 (Ngày bổ nhiệm / <i>Date of appointment</i>)
7	Ông (<i>Mr.</i>) Ryuta Onda	24/05/1969	Cử nhân/ <i>BA</i>	01/04/2021 (Ngày miễn nhiệm / <i>Date of dismissal</i>)
8	Ông (<i>Mr.</i>) Tomohide Ito	24/10/1977	Cử nhân/ <i>BA</i>	29/03/2018

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>
Ông (<i>Mr.</i>) Nguyễn Hồng Phong	28/10/1977	Cử nhân kinh tế (<i>Bachelor of Economics</i>)	01/04/2016

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty / *Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

- Thư ký Công ty, người phụ trách Quản trị công ty và cán bộ chuyên trách đã tham dự các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo chứng khoán chi nhánh Hồ Chí Minh tổ chức trong năm 2013.

Company secretary, person in charge of corporate governance and manager in charge took part in the training courses on corporate governance in accordance with regulations on corporate governance conducted by the Securities Research and Training Center in 2013.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Năm 2021) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Year 2021) and transactions of affiliated persons of the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

Vui lòng xem Phụ lục 1: Danh sách người có liên quan và người nội bộ - 2021

Please refer to Appendix 1: List of affiliated persons and internal persons - 2021

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

Vui lòng xem Phụ lục 2: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ - 2021

Please refer to Appendix 2: Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons. - 2021

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN VÀ NGƯỜI NỘI BỘ/ APPENDIX 01: LIST OF AFFILIATED PERSONS AND INTERNAL PERSONS OF IFS
 Kỳ báo cáo: năm 2021/ Reporting period: 2021

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ khác	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy BKN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
I- Hội đồng quản trị/ Board of Management														
1	Takeshi Fukushima	-	Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT/ Chairman cum member of the BOM								01/04/2017	19/04/2021	Từ nhiệm có hiệu lực từ 19/04/2021/ Resign effective from 19/04/2021	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên HĐQT/ Chairman cum member of BOM
1.1	Takashi Fukushima	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.2	Kaoru Fukushima	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.3	Hiroko Fukushima	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.4	Minato Fukushima	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.5	Momoha Fukushima	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.6	Ayako Fukushima	-	Chi/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trú sở chính/ Địa chỉ liên hệ khác	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐK KD (NSH+)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH+)	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
2	Yuraka Ogami	-	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT/ General Director cum BOM Member								23/09/2013	19/04/2021	Từ nhiệm có hiệu lực từ 19/04/2021/ Resign effective from 19/04/2021	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT/ General Director cum BOM Member
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
2.1	Hiroaki Ogami	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.2	Naoko Ogami	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.3	Masae Ogami	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.4	Mana Ogami	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.5	Keiko Ogami	-	Chi/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.6	Sachiko Ogami	-	Chi/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization														
2.7	Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam/ Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (VKBC)	-	Chi tịch của Hội đồng thành viên/ Chairman of Member's council	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐKDN/ ERC	3700895030	14/04/2008	Sở KHDĐT Tỉnh Bình Dương/ Binh Duong Department of Planning and Investment	-	-	21/3/2018	01/04/2021	Miễn nhiệm có hiệu lực từ 01/04/2021/ Dismissal effective from 01/04/2021	Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ khác	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN)	Số CMND/ Passport/ DKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
2.8	Wonderfarm Biscuits & Confectionery SDN.BHD	-	Giám đốc/ Director	Level 21, Suite 21.01 the Garden South Tower Mid Valley City Lingkaran Syed Putra Kuala Lumpur Wilayah Persekutuan , Malaysia	BKDN/ ERC	240321-U	15/05/1992	Malaysia	-	-	19/06/2015	19/04/2021	Mãn nhiệm có hiệu lực từ 19/04/2021/ Dismissal effective from 19/04/2021	Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
3	Nguyễn Thị Kim Liên	306355	Thành viên HĐQT/ BOM Member								15/08/2006		Từ 15/8/2006 là Thành viên HĐQT/ from 15/08/2006: appointed as the BOM Member	Thành viên HĐQT/ BOM Member
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
3.1	Nguyễn Tấn Sỹ	-	Cha/ Father										Chết từ 2002	Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.2	Vũ Thị Ninh	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.3	Vũ Quốc Thái	-	Chồng/ husband											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.4	Vũ Quốc Cường	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trú sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
3.5	Vũ Ngọc Bảo Khanh	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.6	Nguyễn Tấn Bình	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.7	Nguyễn Tấn Minh	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.8	Nguyễn Tấn Nam	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.9	Nguyễn Thị Kim Chi	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.10	Nguyễn Thị Kim Lan	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4	Hajime Kawasaki	-	Thành viên HĐQT/ BOM Member								19/04/2021		Từ 19/4/2021 là Thành viên HĐQT/ BOM appointed as the BOM Member	Thành viên HĐQT/ BOM Member
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
4.1	Hiroshi Kawasaki	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.2	Chizu Kawasaki	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ hiện tại	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification n/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
4.3	Jun Kawasaki	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.4	Yu Kawasaki	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.5	Momo Kawasaki	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.6	Kiyosaki Kawasaki	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.7	Chikako Kawasaki	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization														
4.8	Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Kirin Việt Nam/ Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (VKBC)	-	Chủ tịch của Hội đồng thành viên/ Chairman of Member's council	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐKDN/ ERC	3700895030	14/04/2008	Sở KHDT Tỉnh Bình Dương/ Binh Duong Department of Planning and Investment	-	-	01/04/2021		Trừ 01/04/2021 là Chủ tịch của Hội đồng thành viên/ from 01/04/2021: appointed as Chairman of Member's council	Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
5	Kotchi Ogawa	-	TV HĐQT không điều hành/ Non-executive member of the BOM)								10/04/2020		Trừ 10/04/2020 là Thành viên HĐQT/ from 10/04/2020: appointed as the BOM Member	Thành viên HĐQT/ BOM Member
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
5.1	Kenji Ogawa	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ hiện hệ hiện tại	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
5.2	Nobuko Ogawa	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
5.3	Zeng Duolan	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
5.4	Kaya Ogawa	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
5.5	Toshio Ogawa	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
5.6	Takeshi Ogawa	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
6	Toru Yoshimura	-	TV HĐQT không điều hành/ Non-executive member of the BOM)								17/12/2019		Từ 17/12/2019 là Thành viên HĐQT/ from 17/12/2019: appointed as the BOM Member	Thành viên HĐQT/ BOM Member
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
6.1	Michiko Yoshimura	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
6.2	Akiko Yoshimura	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
6.3	Shintaro Yoshimura	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
6.4	Kazumi Yoshimura	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ hiện tại	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN)	Số CMND/ Passport/ DKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
7.1	Sadahiro Ito	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.2	Sanae Ito	-	Mé./ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.3	Aiko Ito	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.4	Nanako Ito	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.5	Misono Ikeda	-	Chú/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.6	Yayoi Yamamoto	-	Chú/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization														
7.7	Wonderlarm Biscuits & Confectionery SDN.BHD (WBC)	-	Giám đốc/ Director	Level 21, Suite 21.01 the Garden South Tower Mid Valley City Langkaran	DKDN/ ERC	240321-U	15/05/1992	Malaysia	-	-	31/05/2018	10/6/2021	Từ 31/5/2018 là Giám đốc/ from 31/5/2018: appointed as the Director	Từ 10/6/2021: WBC đã được thanh lý/ From 10/6/2021: liquidated WBC

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ khác	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN)	Số CMND/ Passport/ DKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
II- Ban Giám đốc/ Board of Director														
1	Hajime Kawasaki	-	Tổng Giám đốc/ General Director										Xem "1 – Hội đồng quản trị"/ Refer to "1- Board of Management"	
2	Yutaka Ogami	-	Tổng Giám đốc/ Giám đốc Hành chính/ General Director/ General Manager of Administration										Xem "1 – Hội đồng quản trị"/ Refer to "1- Board of Management"	
3	Takeshi Fukushima	-	Thành viên BGD/ Giám đốc Tiếp thị kiêm Giám đốc Bán hàng/ Chairman of BOM and Director/ General Manager of Marketing cum General Manager of Sales										Xem "1 – Hội đồng quản trị"/ Refer to "1- Board of Management"	
4	Nguyễn Thị Kim Liên	-	Thành viên BGD/ Giám đốc Kiểm soát Nội bộ										Xem "1 – Hội đồng quản trị"/ Refer to "1- Board of Management"	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
5	Tomohide Ito	-	Thành viên BGD/ Giám đốc Kế hoạch Director/ General Manager of Planning											
6	Ryuya Onda	-	Thành viên BGD/Giám đốc Nhà máy/ Director/ General Manager of Factory											
- Xem "1 - Hội đồng quản trị"/ Refer to "1- Board of Management"														
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
6.1	Tetsuma Onda	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
6.2	Hisako Onda	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
6.3	Sumie Onda	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
6.4	Daisuke Onda	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
6.5	Eita Onda	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization														
6.6	Công ty TNHH Nước Giải Khát	-	Tổng Giám đốc/ General Director	Lô D-3A-CN KCN Mỹ Phước	ĐKKD/ ERC	3700895030	14/04/2008	Sở KHĐT Tỉnh Bình Dương/	-	-	29-03-2018	01-04-2021	Từ 26/3/2018 là Tổng Giám đốc/	Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ hiện tại	Loại hình ID (CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy ĐKDN)	Số CMND/Passport/ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
7	Kirin Việt Nam/ Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (VKBBC)	-	Thành viên BGD/Giám đốc Nhà máy/ Director/ General Manager of Factory	2, P. Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam				Bình Dương Department of Planning and Investment			01-04-2021		Tr 1/4/2021 là Thành viên BGD/ from 1/4/2021: appointed as the BOD Member	Thành viên BGD/Giám đốc Nhà máy/ Director/ General Manager of Factory
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
7.1	Hiroaki Noda	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.2	Nobuko Noda	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.3	Kaori Noda	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.4	Ryuma Noda	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.5	Soma Noda	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.6	Ayaka Noda	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
7.7	Shoko Yoshida	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization														
7.8	Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt	-	Tổng Giám đốc/ General Director	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ	ĐKDN/ ERC	3700895030	14/04/2008	Sở KHDT Tỉnh Bình Dương/	-	-	08/04/2021		Tr 08/04/2021. là Tổng Giám đốc/	Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ hiện tại	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
8	Nam/ Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (MKBC)	-	Thành viên BGD/ Giám đốc Tiếp thị kiêm Giám đốc Bán hàng	Phước, Thị xã Bèn Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam				Bình Dương Department of Planning and Investment			26/03/2021		Từ 26/03/2021 là Thành viên BGD/ từ 26/03/2021: appointed as the BOD Member	Thành viên BGD/ Giám đốc Tiếp thị kiêm Giám đốc Bán hàng / Director/ General Manager of Marketing cum General Manager of Sales
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
8.1	Hiroshi Wada	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
8.2	Mayako Wada	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
8.3	Junko Wada	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
8.4	Soshi Wada	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
8.5	Hanari Wada	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
8.6	Maisa Wada	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
8.7	Chikako Wada	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN)	Số CMND/ Passport/ DKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
<i>Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization</i>														
1	Nguyễn Thanh Bách	006C2909 87 (Công ty chứng khoán ACBS)	Thành viên BKS/SB Member								10/04/2019		Từ 10/4/2019 là Thành viên BKS/ from 10/4/2019; appointed as the SB Member	Trưởng BKS/ Chief of SB
<i>Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons</i>														
1.1	Nguyễn Văn Tạc	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.2	Vũ Thị Hòa	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.3	Nguyễn Lê Bảo Châu	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.4	Nguyễn Thanh Tùng	-	Anh trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2	Bà/ Ms. Thái Thu Thảo	-	Thành viên BKS/SB Member								12/04/2012		from 12/4/2012; appointed as the SB Member	Thành viên BKS/SB Member of IFS
<i>Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons</i>														
2.1	Thái Văn Phụng	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.2	Võ Thị Búp	-	Mẹ/ Mother										Mất từ 2016	Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.3	Trần Huyền Lân	-	Chồng/ Husband											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trú sở/Chính/ Địa chỉ liên hệ	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN)	Số CMND/ Passport/ DKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH+) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
2.4	Trần Thái	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.5	Trần Thái Bảo Tran	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
2.6	Thái Quốc Thong	-	Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3	Yoshitaka Hitomi	-	Thành viên BKS/SB Member of IFS								10/04/2019	19/04/2021	Từ nhiệm có hiệu lực từ 19/04/2021/ Resign effective from 19/04/2021	Thành viên BKS/SB Member of IFS
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
3.1	Shigeyuki Hitomi	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.2	Hiroko Hitomi	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.3	Noriko Hitomi	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.4	Sotaro Hitomi	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.5	Yoshino Hitomi	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
3.6	Mayuko Hitomi	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4	Seiichi Kitano	-	Thành viên BKS/SB Member of IFS								19/04/2021		Từ 19/4/2021 là Thành viên BKS/ from	Thành viên BKS/SB Member of IFS

STT	Tên tổ chức cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trú sở/Chức/Địa chỉ liên hệ khác	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH+)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH+)	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
4.1	Norihiko KITANO	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.2	Kayoko KITANO	-	Me/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.3	Makiko KITANO	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.4	Ryo KITANO	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
4.5	Tomoko MORIBE	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
III- Kế toán trưởng/ Chief Accountant														
1	Nguyễn Hồng Phong	-	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán/ Chief Accountant cum Manager of Finance and Accounting								1/4/2016		Từ 10/4/2016 là Kế toán trưởng kiêm Trưởng Tài chính Kế toán/ From 10/4/2016: appointed as the Chief Accountant cum Manager of Finance and Accounting	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán/ Chief Accountant cum Manager of Finance and Accounting
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ khác	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1.1	Nguyễn Văn Mậu	-	Cha/ Father											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.2	Nguyễn Thị Phần	-	Mẹ/ Mother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.3	Nguyễn Thị Mộng Đào	-	Vợ/ wife											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.4	Nguyễn Hồng Hạnh	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.5	Nguyễn Hồng Bảo Ngọc	-	Con/ Son											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.6	Nguyễn Hồng Ngọc	-	Con/ Daughter											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.7	Nguyễn Thanh Hải	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.8	Nguyễn Minh Châu	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.9	Nguyễn Thị Phương Lan	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.10	Nguyễn Thị Hương	-	Chị/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
IV- 1														
1	Trần Thị Ai Tâm	-	Phó phòng Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp/ Deputy Manager of Corporate Social				30/05/2019						Từ 30/5/2019 là người phụ trách Quản trị công ty/ From 30/5/2019: appointed as	Người phụ trách Quản trị công ty/ Person in charge of Corporate Governance

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ hiện tại	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN)	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons in charge of Corporate Governance	Relationship with the Company
Cá nhân có liên quan/ Affiliated persons														
1.1	Trần Thịnh	-	Cha/ Father										Chết năm 1971	Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.2	Nguyễn Thị Hân	-	Mẹ/ Mother										Chết năm 1979	Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.3	Trần Phan Cường	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.4	Trần Quốc Thành	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.5	Trần Quốc Khánh	-	Anh/ Em trai/ Brother											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.6	Trần Thị Hương Huyền	-	Chi/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.7	Trần Thị Linh Hà	-	Chi/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
1.8	Trần Thị Minh Hằng	-	Chi/ Em gái/ Sister											Cá nhân có liên quan/ Affiliated person
V - Tổ chức liên quan khác/ Affiliated organization														
1	Công ty TNHH Nước Giải Khát Kinh Việt Nam/ Vietnam Beverage Company,	-	Được quản lý cùng chung một công ty KHSP (under the management of the same entity - KHSP)	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	ĐKDN/ ERC	3700895030	14/04/2008	Sở KHĐT Tỉnh Bình Dương/ Binh Duong Department of Planning and Investment			14/04/2008			Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization


STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ khác	Loại hình ID (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH+)	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
No	Name of organization/ individual	Securities trading account (if any)	Position/ relationship at the Company (if any)	Contact address	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH+)	date of issue	place of issue	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
	Limited. (VKBC)													
2	KIRIN HOLDINGS SINGAPORE PTE.LTD. (KHSP)	CA8658	Doanh nghiệp sở hữu trên 10% vốn góp của IFS/	20 Collyer Quay # 18-05/06 Singapore 049319	ĐKDN/ ERC	201021873N	13/10/2010	Singapore	83.360.282	95,66%	2016			Tổ chức có liên quan/ Affiliated organization
VI- Cá nhân có liên quan khác/ Other affiliated persons														
1	Honda Hiromasa		Giám đốc của Công ty mẹ/ Director of Parent company-- KHSP								01/04/2019		Từ 1/4/2019 là Giám đốc/ From 1/4/2019: appointed as Director	Cá nhân có liên quan/ Affiliated person

PHỤ LỤC 02: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ - NĂM 2021

APPENDIX 02: TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS – YEAR 2021

Kỳ báo cáo: năm 2021/ Reporting period: 2021

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Loại hình ID (CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy DKDN	Số CMND/ Passport/ ĐKKD (NSH*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHBCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú (loại giao dịch, hợp đồng, số lượng, số tiền)	
No.	Name of organization/ individual	Relationship with the Company	Types of ID/ citizen identification/ Passport/ ERC)	ID/ passport/ ERC (NSH*) No	date of issue	place of issue	Address	Time of transactions with the Company	Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Content, quantity, total value of transaction	Note	
1	Tổ chức liên quan/ Affiliated organization											
1	Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam/ Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (VKBC)	Được quản lý cùng chung một công ty KHSP (under the management of the same entity – KHSP)	BKD/ ERC	3700895030	14/04/2008	Sở KHĐT Tỉnh Bình Dương/ Binh Duong Department of Planning and Investment	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 (From 1/1/2021 to 31/12/2021)			(A)	
2	Kirin Holdings Company, Limited. (KH)	Công ty Mẹ cuối cùng (Ultimate Parent Company)	BKD/ ERC	0100-01-034768	23/02/1965	Nhật bản/Japan	10-2, Nakano 4-chome, Nakano-ku, Tokyo	Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 (From 1/1/2021 to 31/12/2021)			(B)	



(A) Giao dịch giữa công ty và Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam - (ĐVT 1000 Đồng)
Transaction between the Company and Vietnam Kirin Beverage Company, Limited. (VKBC) - (Unit in 1000 VND)

(1) Phí gia công: 172.924.366 (Processing fee: 172,924,366);

(2) Mua dịch vụ: 2.148.120 (Purchases of services: 2,148,120);

(3) Bán thành phẩm: 71.095 (Sale of finished goods: 71,095)

(4) Mua hàng hóa: 52.723 (Purchases of goods: 52,723);

(5) Bồi thường hợp đồng gia công: 27.264.221 (Processing contract Compensation 27,264,221)

(B) Giao dịch giữa công ty và Kirin Holdings Company, Limited. (KH) - (ĐVT 1000 Đồng)

Transaction between the Company and Kirin Holdings Company, Limited. (KH) - (Unit in 1000 VND)

Phí biệt phái nhân sự: 6.325.769 (secondment fee: 6,325,769);